

DANH SÁCH 697 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 13
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Đặng Văn Lượng	
2.	Đặng Văn Đồng	
3.	Đặng Thị Phương	
4.	Đỗ Niềm	
5.	Đỗ Thanh Nghị	
6.	Đỗ Thị Liên	
7.	Lê Dũng	
8.	Hồ Thị Kim Thoa	
9.	Tổng Đức Tùng	
10.	Tổng Đức Toàn	
11.	Tổng Thị Phương	
12.	Từ Dương	
13.	Võ Thị Phương	
14.	Võ Văn Hiếu	
15.	Phạm Hiếu	
16.	Nguyễn Trần Xuân	
17.	Nguyễn Văn Lâm	
18.	Nguyễn Ngọc Lượng	
19.	Nguyễn Đức Vinh	
20.	Trịnh Xuân Thủy	
21.	Nguyễn Thanh Vân	
22.	Võ Thị Lý	
23.	Nguyễn Thị Nga	
24.	Nguyễn Mậu Hoàng	
25.	Nguyễn Thanh Tiến	
26.	Huỳnh Văn Định	
27.	Nguyễn Quang	
28.	Bùi Tá Nhựt	
29.	Bùi Tá Công	
30.	Trần Cao Tánh	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
31.	Trần Cao Tâm	
32.	Nguyễn Thị Lệ Thu	
33.	Lê Đồng	
34.	Đỗ Đăng Trình	
35.	Nguyễn Văn Thái	
36.	Bùi Thị Hương	
37.	Đoàn Lý Ba	
38.	Đặng Phương Tùng	
39.	Đặng Phương Lâm	
40.	Đặng Văn Hòa	
41.	Đinh Văn Hiếu	
42.	Đinh Thị Mỹ Công	
43.	Võ Hoàng Phi	
44.	Bùi Toàn	
45.	Đàm Cao Tín	
46.	Lê Hứa	
47.	Trần Bảo Diệp	
48.	Nguyễn Mạnh Hà	
49.	Mai Văn Triều	
50.	Đỗ Phương Nam	
51.	Bùi Phụ Cường	
52.	Bùi Thị Nga	
53.	Phạm Hoàng Long	
54.	Đinh Sơn Tú	
55.	Lâm Thị Hoàng Chung	
56.	Nguyễn Tấn Hữu	
57.	Võ Văn Toàn	
58.	Bùi Phụ Đi	
59.	Đặng Thị Minh Triều	
60.	Nguyễn Thanh Tâm	
61.	Võ Dồn	
62.	Võ Nguyên Thanh	
63.	Võ Nguyên Lợi	
64.	Nguyễn Chinh	
65.	Nguyễn Tòa	
66.	Phạm Thị Hồng Phương	
67.	Phạm Hồng Ngộ	
68.	Trần Tư	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
69.	Trần Thanh Huy	
70.	Vũ Văn Hồng	
71.	Lê Thế Tiên	
72.	Trần Thị Lai	
73.	Trần Minh Tùng	
74.	Huỳnh Khắc Luật	
75.	Nguyễn Ngọc Lợi	
76.	Phan Quang Minh	
77.	Trần Quang Dũng	
78.	Nguyễn Hoàng Tuyển	
79.	Nguyễn Ngọc Hoàng	
80.	Nguyễn Ngọc Sơn	
81.	Hồ Thị Tứ	
82.	Trần Quốc Thọ	
83.	Trương Thị Sen	
84.	Trần Minh Tuấn	
85.	Nguyễn Thị Đào	
86.	Bùi Phụ Tâm	
87.	Bùi Thị Nhị	
88.	Bùi Thị Yên	
89.	Đặng Thị Thu Kiều	
90.	Bùi Phụ Khanh	
91.	Phan Thị Tích	
92.	Đoàn Văn Tiên	
93.	Lê Duy Xí	
94.	Bùi Thị Thi	
95.	Nguyễn Văn Được	
96.	Trần Minh Thành	
97.	Đặng Thị Hoa	
98.	Trần Đức Dũng	
99.	Đoàn Thị Thường	
100.	Trần Thị Lại	
101.	Nguyễn Văn Thống	
102.	Võ Đình Hiền	
103.	Lê Thập	
104.	Lê Văn Thu	
105.	Nguyễn Thanh Hoàng	
106.	Lê Đường	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
107.	Nguyễn Tấn Đức	
108.	Phạm Quang Lưu	
109.	Bùi Thị Cẩm Sơn	
110.	Bùi Tá Lương	
111.	Bùi Tá Chánh	
112.	Bùi Tá Kỹ	
113.	Bùi Tá Phạm Quang	
114.	Nguyễn Hoài Sơn	
115.	Cao Tấn Phẩm	
116.	Huỳnh Văn Tích	
117.	Huỳnh Văn Toàn	
118.	Huỳnh Thị Hà	
119.	Nguyễn Thị Vân	
120.	Huỳnh Thị Kim Thu	
121.	Trần Quới	
122.	Huỳnh Thị Lan Hương	
123.	Huỳnh Ngọc Trí	
124.	Huỳnh Thị Ngọc Lan	
125.	Lê Hồ	
126.	Trần Quang Sang	
127.	Trịnh Thị Xuân Niên	
128.	Nguyễn Thị Kỷ	
129.	Hà Thị Kim Liên	
130.	Dương Trung Trực	
131.	Cao Thị Phương Trang	
132.	Tôn Thị Hoàng Dung	
133.	Nguyễn Viết Thắng	
134.	Lê Chí Lâm	
135.	Vũ Thanh Liêm	
136.	Phan Văn Phú	
137.	Phan Như Kiểm	
138.	Lê Tuấn Văn	
139.	Nguyễn Văn Quốc	
140.	Phan Ngọc Thanh	
141.	Phạm Phú Viên	
142.	Bùi Tá Thành	
143.	Bùi Trần Yến Trang	
144.	Bùi Tá Hào	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
145.	Bùi Tá Hùng	
146.	Trang Lê Lê	
147.	Nguyễn Quốc Huy	
148.	Bùi Tá Danh	
149.	Đặng Ngọc Sơn	
150.	Đặng Ngọc Hân	
151.	Đặng Thị Lệ Thủy	
152.	Lê Thị Mười	
153.	Đặng Ngọc Công Minh	
154.	Nguyễn Anh Tuấn	
155.	Nguyễn Thị Trung	
156.	Nguyễn Lập	
157.	Nguyễn Xuân	
158.	Nguyễn Văn Thọ	
159.	Phạm Văn Quảng	
160.	Phan Thanh Phong	
161.	Bùi Vũ Toàn	
162.	Lưu Văn Phúc	
163.	Đặng Minh Dương	
164.	Đỗ Thị Nga	
165.	Đỗ Hồng Vương	
166.	Bùi Thị Thại	
167.	Nguyễn Tiến Thịnh	
168.	Nguyễn Chí Tâm	
169.	Đặng Ngọc Trung	
170.	Đặng Thị Thọ	
171.	Nguyễn Trần Diêu	
172.	Hà Văn Liệu	
173.	Hà Văn Liêu	
174.	Tạ Thị Khanh	
175.	Nguyễn Thanh	
176.	Nguyễn Trục	
177.	Nguyễn Tấn Thảo	
178.	Trần Kim Phụng	
179.	Nguyễn Thị Thanh Thúy	
180.	Đỗ Thị Hằng	
181.	Nguyễn Thị Tuyết	
182.	Bùi Thị Kim Loan	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
183.	Trần Thị Thanh Huệ	
184.	Trần Văn Mạnh	
185.	Bùi Phụ Linh	
186.	Bùi Nguyễn Hương Trà	
187.	Bùi Phụ Anh	
188.	Đặng Quang Biên	
189.	Bùi Văn Thạch	
190.	Lê Quang Thuận	
191.	Trần Thị Tiếp	
192.	Nguyễn Xuân Linh	
193.	Hoàng Minh Thượng	
194.	Nguyễn Thị Nhung	
195.	Đinh Văn Đôn	
196.	Võ Thị Huệ	
197.	Đinh thị Chức	
198.	Phạm Văn Thái	
199.	Nguyễn Mậu Thuấn	
200.	Vương Gia Long	
201.	Lương Thị Thủy	
202.	Nguyễn Thị Phương	
203.	Trần Thị Huệ	
204.	Võ Thị Thu	
205.	Nguyễn Anh Dũng	
206.	Trương Minh Vương	
207.	Tổng Thị Mỹ	
208.	Tổng Đức Quang	
209.	Lê Văn Liêm	
210.	Trần Ngọc Văn	
211.	Đỗ Xuân Tuấn	
212.	Phạm Thanh Hải	
213.	Huỳnh Ngọc Thái	
214.	Nguyễn Thị Hương	
215.	Huỳnh Quang Đạt	
216.	Lê Văn Sơn	
217.	Võ Xuân Hà	
218.	Phan Quốc Dũng	
219.	Nguyễn Thị Thanh Trúc	
220.	Lê Thiện Cẩm	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
221.	Nguyễn Thị Kim Nhuệ	
222.	Phan Thị Khương	
223.	Nguyễn Công Hậu	
224.	Nguyễn Công Phường	
225.	Nguyễn Minh Thành	
226.	Vi Thị Hồng	
227.	Đinh Hữu Chính	
228.	Trần Thị Minh Tâm	
229.	Trần Thị Diên	
230.	Phan Thị Liên	
231.	Trương Thị Kim Hà	
232.	Hồ Thị Thúy Liễu	
233.	Bùi Tá Huy	
234.	Đặng Thị Trí	
235.	Bùi Tá Hiền	
236.	Lê Thị Năng	
237.	Nguyễn Thị Hoa	
238.	Nguyễn Cảnh	
239.	Nguyễn Thị Sửu	
240.	Phan Thị Kim Chung	
241.	Nguyễn Thị Tiên	
242.	Trịnh Thái Dũng	
243.	Trần Thị Tuyết Nga	
244.	Nguyễn Hồng Thành	
245.	Nguyễn Thị Thùy Trang	
246.	Đào Thị Nga	
247.	Trương Hùng Việt	
248.	Nguyễn Văn Thận	
249.	Huỳnh Văn Quang	
250.	Phan Thị Sao	
251.	Nguyễn Vũ Nhon	
252.	Bùi Tá Hoanh	
253.	Võ Thị Kim Thủy	
254.	Võ Văn Quảng	
255.	Trần Văn Út	
256.	Trần Thị Hạng	
257.	Bùi Công Phương	
258.	Phạm Thị Nghĩa	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
259.	Nguyễn Thị Tố Châu	
260.	Phan Đình Triều	
261.	Bùi Thị Cúc	
262.	Hồ Thị Kim Thuận	
263.	Nguyễn Hữu Đạc	
264.	Hoàng Thị Loan	
265.	Đỗ Nền	
266.	Đỗ Long	
267.	Đỗ Sơn	
268.	Phan Thị Hoa	
269.	Nguyễn Quyết	
270.	Phạm Công Oanh	
271.	Vương Văn Mạnh	
272.	Vương Văn Hùng	
273.	Lê Văn Thương	
274.	Lê Văn Nhuận	
275.	Châu Thị Vy	
276.	Bạch Quang Hà	
277.	Phạm Thị Phượng	
278.	Nguyễn Thị Trúc	
279.	Đặng Tâm	
280.	Trần Xuân Quảng	
281.	Nguyễn Ra	
282.	Phạm Quang Chính	
283.	Kiều Cẩm	
284.	Huỳnh Văn Đạo	
285.	Nguyễn Thị Thủy Hoanh	
286.	Nguyễn văn Toàn	
287.	Đặng Ngọc Thạch	
288.	Nguyễn Tấn Hương	
289.	Nguyễn Công Trình	
290.	Nguyễn Công Thương	
291.	Trần Văn Tâm	
292.	Trần Hán Hoàng	
293.	Ngô Thị Châm	
294.	Vũ Thị Lương	
295.	Vương Thiết Tấn	
296.	Lê Thị Nhân	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
297.	Phạm Thanh Nhị	
298.	Phạm Thị Nghĩa	
299.	Nguyễn Hữu Lộc	
300.	Trần Thị Hoàng Hà	
301.	Nguyễn Văn Bình	
302.	Ngô Thị Liễu Hoa	
303.	Võ Thị Lệ	
304.	Ngô Thị Huê	
305.	Phạm Thị Hoa	
306.	Nguyễn Thị An	
307.	Cao Thành Phúc	
308.	Võ Thị Lực	
309.	Nguyễn Thị Thanh	
310.	Đỗ Văn Tiến	
311.	Hồ Mạnh Hùng	
312.	Bùi Thị Ngọc Mai	
313.	Võ Thị Loan	
314.	Nguyễn Đình Hội	
315.	Nguyễn Văn Dữ	
316.	Nguyễn Toan	
317.	Nguyễn Giàu	
318.	Cao Cúc	
319.	Trần Văn Hùng	
320.	Phù Minh Tấn	
321.	Trần Văn Liên	
322.	Nguyễn Thị Phú	
323.	Trần Cao Giám	
324.	Nguyễn Tấn	
325.	Nguyễn Tấn Lộc	
326.	Nguyễn Phước	
327.	Nguyễn Ngọc Bình	
328.	Nguyễn Thị Cúc	
329.	Lê Hoài Vũ	
330.	Nguyễn Thạnh	
331.	Bùi Thị Lang	
332.	Nguyễn Mậu	
333.	Nguyễn Mục	
334.	Nguyễn Đền	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
335.	Nguyễn Luận	
336.	Nguyễn Tấn Linh	
337.	Hồ Văn Cường	
338.	Nguyễn Lên	
339.	Nguyễn Thị Thảo	
340.	Bùi Tá Trường Hải	
341.	Nguyễn Nguyên	
342.	Nguyễn Thanh Dũng	
343.	Nguyễn Thị Minh	
344.	Huỳnh Ngọc Thanh	
345.	Huỳnh A	
346.	Lê Minh Vũ	
347.	Lê Hới	
348.	Trần Duy Hoàng	
349.	Lê Văn Bình	
350.	Nguyễn Quý Hới	
351.	Lê Bá Tĩnh	
352.	Bùi Văn Tích	
353.	Bùi Phụ Nam	
354.	Võ Đình Tâm	
355.	Huỳnh Văn Càn	
356.	Phan Thị Sản	
357.	Trần Đức Quynh	
358.	Đoàn Xuân Phong	
359.	Dương Long Hồ	
360.	Nguyễn Duy Càn	
361.	Huỳnh Văn Ngử	
362.	Tổng Thị Bích Hạnh	
363.	Đặng Thị Cửu	
364.	Lê Thị Lắm	
365.	Đoàn Văn Nhỏ	
366.	Nguyễn Thị Nhị	
367.	Nguyễn Thị Trúc	
368.	Phan Văn Tùng	
369.	Nguyễn Thành Trung	
370.	Trần Cao Ký	
371.	Nguyễn Thị Hạnh	
372.	Mai Văn Thời	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
373.	Mai Văn Chân	
374.	Đào Lợi	
375.	Đào Thị Ngợi	
376.	Đào Việt Hùng	
377.	Nguyễn Thị Lạc	
378.	Nguyễn Thôn	
379.	Nguyễn Thế Vinh	
380.	Trần Hữu Quang	
381.	Phạm Thị Thanh Hòa	
382.	Lê Sĩ Nam	
383.	Trần Cao Trí	
384.	Huỳnh Văn Ninh	
385.	Nguyễn Hòa	
386.	Nguyễn Thông	
387.	Nguyễn Thị Lý	
388.	Lê Thị Trinh	
389.	Ngô Văn Mười	
390.	Lê Văn Đông	
391.	Võ Kiên	
392.	Hoàng Thị Nhuận	
393.	Trần Thị Hoa	
394.	Nguyễn Văn Mai	
395.	Trần Thị Lương	
396.	Nguyễn Thị Khở	
397.	Mai Văn Bằng	
398.	Nguyễn Hữu Huy	
399.	Bùi Phụ Sáu	
400.	Bùi Phụ Hai	
401.	Bùi phụ Tư	
402.	Bùi Phụ Năm	
403.	Bùi Phụ Một	
404.	Bùi Phụ Bảy	
405.	Nguyễn Ngọc Dũng	
406.	Nguyễn Ngọc Thanh	
407.	Nguyễn Ngọc Công	
408.	Nguyễn Ngọc Minh	
409.	Mai Văn Dung	
410.	Lê Minh Phú	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
411.	Nguyễn Thị Ái Vân	
412.	Đặng Hoàng	
413.	Võ Chơ	
414.	Võ Thị Phúc	
415.	Nguyễn Tấn Phước	
416.	Hồ Doãn Minh	
417.	Võ Văn Chương	
418.	Trần Minh Tuấn	
419.	Tổng Thị Như Hải	
420.	Tổng Đức Thành	
421.	Nguyễn Thanh Mỹ	
422.	Tổng Đức Minh	
423.	Tổng Đức Tàu	
424.	Nguyễn Thị Cang	
425.	Huỳnh Bá Dũng	
426.	Đặng Thị Kim Liên	
427.	Bùi Tá Tiên	
428.	Bùi Tá Hợ	
429.	Bùi Tá Thanh Hữu	
430.	Đặng Thị Bích Vân	
431.	Đặng Thị Hiệp	
432.	Nguyễn Thị Láng	
433.	Đinh Thị Thanh Thúy	
434.	Bùi Tá Liêu	
435.	Bùi Tá Sơn	
436.	Lê Đình Đệ	
437.	Nguyễn Đức Hạnh	
438.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	
439.	Bùi Tá Thông	
440.	Lê Đình Huỳnh	
441.	Huỳnh Ngọc Anh	
442.	Nguyễn Văn Nga	
443.	Phù Văn Kính	
444.	Nguyễn Công Hy	
445.	Nguyễn Công Phi	
446.	Lương Hữu Ân	
447.	Nguyễn Hoài Thu Duyên	
448.	La Quang Vinh	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
449.	Trần Văn Hùng	
450.	Trương Bá Chuẩn	
451.	Mai Thị Lý	
452.	Nguyễn Tấn Truyền	
453.	Nguyễn Văn Văn	
454.	Nguyễn Sơn	
455.	Bùi Thị Sang	
456.	nguyễn Thị Phú	
457.	Bùi Tá Quỳnh	
458.	Nguyễn Thị Nga	
459.	Bùi Tá Hoanh	
460.	Bùi Ngọc Thạch	
461.	Nguyễn Thị Lang	
462.	Nguyễn Thị Nhật Tiên	
463.	Bùi Tá Chín	
464.	Bùi Tá Tuấn	
465.	Bùi Tá Hưng	
466.	Nguyễn Xuân Thanh	
467.	Bùi Ngọc Trai	
468.	Lê Văn Thuận	
469.	Phạm Đình Cương	
470.	Phạm Đình Thái	
471.	Phạm Thị Hường	
472.	Trần Thanh Vũ	
473.	Phạm Thị Quý	
474.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	
475.	Phạm Đình Đức	
476.	Trần Thị Phi Hồng	
477.	Âu Thiên Vũ	
478.	Nguyễn Văn Thư	
479.	Phạm Văn Hải	
480.	Đỗ Thị Ngọc Tiên	
481.	Nguyễn Tất Đất	
482.	Nguyễn Thị Lộc	
483.	Nguyễn Lộc Quyền	
484.	Nguyễn Thị Thuận	
485.	Phạm Thị Hải Yến	
486.	Nguyễn Lối	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
487.	Nguyễn Thị Thu Huyền	
488.	Đình Hồng Anh	
489.	Nguyễn Thị Lan	
490.	Nguyễn Phước Hải	
491.	Phan Văn Điềm	
492.	Đoàn Bá Phương	
493.	Nguyễn Minh Thông	
494.	Nguyễn Đình Nhân	
495.	Nguyễn Lê Ánh Nguyệt	
496.	Trần Đặng Nghĩa	
497.	Đặng Ngọc Chính	
498.	Nguyễn Hải Hưng	
499.	Lê Thị Minh Huệ	
500.	Phạm Ngọc Thận	
501.	Võ Mạnh Hùng	
502.	Vương Trọng Khảo	
503.	Trần Thị Ngọc	
504.	Bùi Thị Hoa	
505.	Đoàn Kim	
506.	Phan Văn Cầu	
507.	Phan Việt Thắng	
508.	Bùi Thanh Hảo	
509.	Bùi Thanh Văn	
510.	Lê Tấn Diện	
511.	Nguyễn Thị Bê	
512.	Nguyễn Thị Trúc Giang	
513.	Trương Thị Một	
514.	Nguyễn Minh Phong	
515.	Huỳnh Tấn Bảo	
516.	Vũ Thị Thanh Bình	
517.	Đình Thị Trọng	
518.	Trịnh Thị Chư	
519.	Tạ Ngọc Dai	
520.	Lương Văn Đức	
521.	Phạm Lê Nguyên	
522.	Nguyễn Thị Giáp	
523.	Phạm Trường Kiên	
524.	Nguyễn Văn Chi	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
525.	Nguyễn Bình Chương	
526.	Trần Văn Tính	
527.	Lê Thị Cúc	
528.	Nguyễn Văn Hà	
529.	Nguyễn Thị Út	
530.	Đặng Đức Hải	
531.	Hoàng Văn Dương	
532.	Lê Thị Ngoan	
533.	Nguyễn Văn Oánh	
534.	Nguyễn Văn Tuấn	
535.	Trần Thị Thúc	
536.	Nguyễn Thị Dậm	
537.	Nguyễn Tấn Hùng	
538.	Bùi Thị Thu	
539.	Trần Thị Hải	
540.	Nguyễn Hòe	
541.	Nguyễn Thị Liệu	
542.	Nguyễn Thị Sương	
543.	Nguyễn Thị Ánh Phước	
544.	Nguyễn Thành Trung	
545.	Võ Đức Nông	
546.	Nguyễn Thị Minh	
547.	Nguyễn Văn Tuấn	
548.	Hoàng Văn Hùng	
549.	Trần Thị Kiều Oanh	
550.	Bùi Thị	
551.	Tạ Thiên Trí	
552.	Phạm Thị Anh Thảo	
553.	Nguyễn Thanh Nhất	
554.	Nguyễn Thạnh	
555.	Phùng Di Thân	
556.	Nguyễn Quới	
557.	Bùi Văn Tuấn	
558.	Hoàng Thị Bích Thủy	
559.	Trần Đắc Công	
560.	Trần Ngọc Vỹ	
561.	Nguyễn Tuấn Huy	
562.	Nguyễn Thuận	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
563.	Phạm Minh Đát	
564.	Lê Hồng Thịnh	
565.	Nguyễn Thị Lộc	
566.	Bùi Tá Thân	
567.	Tạ Văn Nhân	
568.	Nguyễn Văn Chát	
569.	Nguyễn Thị Mau	
570.	Đoàn Thị Liên	
571.	Trần Thị Bảo Diệp	
572.	Nguyễn Đình Một	
573.	Nguyễn Thiên Bình	
574.	Cao Văn Huân	
575.	Cao Xuân Tươi	
576.	Cao Xuân Tiến	
577.	Nguyễn Thị Dàn	
578.	Nguyễn Thị Thu Hà	
579.	Lê Đình Trí (B)	
580.	Lê Đình Thành	
581.	Lê Đình Trí (A)	
582.	Bùi Thị Có	
583.	Lê Văn Phúc	
584.	Bùi Thị Bé	
585.	Trịnh Văn Sáu	
586.	Cao Ngọc Vũ	
587.	Cao Ngọc Huyền	
588.	Cao Thị Nhất Tâm	
589.	Cao Thị Chiêu Huyền	
590.	Hoàng Văn Huy	
591.	Nguyễn Ngọc Chương	
592.	Nguyễn Đăng Danh	
593.	Trần Thị Quảng	
594.	Nguyễn Thị Đảnh	
595.	Nguyễn Văn Quang	
596.	Nguyễn Thành Đô	
597.	Đỗ Thị Mỹ Hương	
598.	Bùi Tá Toàn	
599.	Trần Trọng Tài	
600.	Bùi Tá Hòa	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
601.	Bùi Tá Đông	
602.	Nguyễn Văn Tĩnh	
603.	Nguyễn Trì	
604.	Lê Huy Cường	
605.	Lê Quang Thuận	
606.	Lê Huy Tùng	
607.	Lê Thị Thương	
608.	Bùi Thị Văn	
609.	Lê Cao Tâm	
610.	Nguyễn Văn Đông	
611.	Lê Trung	
612.	Nguyễn Văn Bảo	
613.	Nguyễn Thị Huệ Lê	
614.	Nguyễn Thị Hoa	
615.	Lê Văn Quyết	
616.	Phùng Quốc Sỹ	
617.	Đặng Xuân Sơn	
618.	Nguyễn Thị Nở	
619.	Huỳnh Kim Quý	
620.	Nguyễn Thị Việt	
621.	Trần Văn Hậu	
622.	Huỳnh Thị Ngọc	
623.	Đặng Minh	
624.	Huỳnh Ngọc Điệp	
625.	Vương Văn Luân	
626.	Thới Văn Hòa	
627.	Phạm Văn Tại	
628.	Bùi Văn Minh	
629.	Lê Văn Lũy	
630.	Đặng Thái Sơn	
631.	Trần Thị Sen	
632.	Nguyễn Thị Tài	
633.	Trần Thanh Ân	
634.	Phạm Minh Đức	
635.	Nguyễn Văn Dự	
636.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	
637.	Nguyễn Hùng Dương	
638.	Lê Phương Nam	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
639.	Bùi Thị Nguyệt	
640.	Bùi Tá Đức	
641.	Trần Giang Sơn	
642.	Trần Anh Thoại	
643.	Mai Thị Hồng	
644.	Nguyễn Văn Hà	
645.	Võ Duy Ánh	
646.	Nguyễn Tấn Sơn	
647.	Nguyễn Thanh	
648.	Nguyễn Văn Quý	
649.	Ngô Văn Đại	
650.	Nguyễn Đình	
651.	Ngô Thanh Long	
652.	Ngô Văn Bảy	
653.	Trần Thanh Hoài	
654.	Bùi Thanh Xuân	
655.	Huỳnh Văn Trĩ	
656.	Huỳnh Tấn Sĩ	
657.	Huỳnh Quang Huy	
658.	Nguyễn Thanh Tuấn	
659.	Lê Thị Thủy	
660.	Nguyễn Ngọc Đình	
661.	Châu Thái Sơn	
662.	Nguyễn Thế Phước	
663.	Đỗ Thanh Minh	
664.	Lê Thị Hường	
665.	Đặng Văn Bằng	
666.	Lê Thanh Sơn	
667.	Nguyễn Tấn Kỳ	
668.	Phạm Vũ Hoài Phương	
669.	Huỳnh Thị Hà	
670.	Nguyễn Cư	
671.	Nguyễn Hữu Phát	
672.	Lâm Phương Ngọc	
673.	Phạm Đức Quang	
674.	Nguyễn Khắc Nghĩa	
675.	Mai Văn Bảo	
676.	Lê Hiệp	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
677.	Lê Dũng	
678.	Bùi Tá Phạm Quân	
679.	Trần Thị Tuyết Nga	
680.	Trịnh Thị Vy Oanh	
681.	Võ Hữu Thiện	
682.	Huỳnh Trúc	
683.	Bùi Phụ Minh	
684.	Nguyễn Văn Hùng	
685.	Nguyễn Văn Thịnh	
686.	Đoàn Văn Khoa	
687.	Nguyễn Viết Trường	
688.	Lê Quang Hạnh	
689.	Lê Hà Như Nguyệt	
690.	Bùi Tá Phi Trung	
691.	Đặng Văn Tuyển	
692.	Mai Thị Lãm	
693.	Bùi Phụ Đen	
694.	Đào Thị Phương	
695.	Trương Mạnh Tính	
696.	Phan Thị Thu Thảo	
697.	Nguyễn Thị Ngọc Yến	